

KẾ HOẠCH**thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị
về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc
lần thứ XIV của Đảng**

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị “Về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” (gọi tắt là *Chỉ thị số 35-CT/TW*) và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương “Một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/6/2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng” (gọi tắt là *Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW*); Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Quán triệt, triển khai công tác chuẩn bị, tổ chức đại hội đảng bộ các cấp theo đúng quy định Điều lệ Đảng, yêu cầu, nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương, bảo đảm việc chuẩn bị các nội dung và tổ chức đại hội chặt chẽ, đúng quy trình, quy định, đảm bảo tiến độ và kết quả cao nhất, chất lượng tốt nhất.

- Đánh giá đúng, khách quan, toàn diện tình hình và kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng của cấp mình trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; xác định đúng, đầy đủ phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cho nhiệm kỳ 2025 - 2030 và bầu cử cấp ủy khóa mới.

2. Yêu cầu

- Tổ chức quán triệt, triển khai nghiêm túc, nắm vững các yêu cầu, nội dung được nêu trong Chỉ thị số 35-CT/TW, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW và Kế hoạch này để triển khai thực hiện.

- Phát huy dân chủ đi đôi với giữ vững nguyên tắc, siết chặt kỷ luật, kỷ cương; đề cao trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, trước hết là người đứng đầu cấp ủy trong quá trình triển khai thực hiện.

- Quá trình chuẩn bị và tiến hành đại hội phải coi trọng việc lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị gắn với đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng đại hội đảng bộ các cấp và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2025 ở từng cơ quan, địa phương, đơn vị; tập trung giải quyết, xử lý kịp thời, có hiệu quả những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém kéo dài, bức xúc mà cán bộ, đảng viên, nhân dân quan tâm.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Tổ chức tuyên truyền, quán triệt

Tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và Kế hoạch của Tỉnh ủy một cách nghiêm túc, đầy đủ, chặt chẽ. Các cấp ủy, tổ chức đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh có trách nhiệm phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW và Kế hoạch này, hoàn thành trong tháng 9/2024.

2. Nội dung đại hội đảng bộ các cấp

- Đại hội đảng bộ các cấp thực hiện 04 nội dung sau: (1) Tổng kết thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020 - 2025 và xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của nhiệm kỳ 2025 - 2030. (2) Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các Văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp. (3) Bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030. (4) Bầu Đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên.

- Những nơi thực sự khó khăn về công tác nhân sự, được cấp ủy có thẩm quyền đồng ý thì đại hội với 03 nội dung, chưa tiến hành bầu cấp ủy khóa mới.

3. Chuẩn bị văn kiện đại hội và tổ chức thảo luận

3.1. Dự thảo văn kiện của cấp ủy trình đại hội gồm 02 báo cáo chủ yếu:

- Báo cáo chính trị của đảng bộ là báo cáo trung tâm, có vai trò định hướng cho các văn kiện khác; phải đánh giá toàn diện, khách quan, trung thực tình hình, kết quả đạt được, ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm; đồng thời, tiếp thu những quan điểm chỉ đạo, chủ trương, định hướng lớn trong các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên, dự báo được tình hình để đề ra phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính khả thi cho nhiệm kỳ 2025 - 2030, chú ý các nhiệm vụ, giải pháp đột phá với tầm nhìn dài hạn.

- Báo cáo kiểm điểm của cấp ủy phải có tính chiến đấu, nêu cao tinh thần tự phê bình và phê bình; đánh giá đúng, khách quan, toàn diện, trung thực kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4 khóa XI, XII, XIII về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng gắn với việc đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định về những điều đảng viên không được làm và các quy định của Đảng về nêu gương đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan những hạn chế, khuyết điểm, yếu kém, xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân; đồng thời đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm khắc phục, sửa chữa trong nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Quá trình xây dựng văn kiện đại hội, cấp ủy các cấp phải thực hiện đúng yêu cầu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy: Nói thẳng, nói thật, làm thật vì lợi ích chung không đùn đẩy, né tránh khuyết điểm, sai phạm.

3.2. Việc xây dựng, đóng góp ý kiến vào văn kiện:

- Quá trình xây dựng dự thảo văn kiện đại hội phải phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc; có hình thức phù hợp, thiết thực để lấy ý kiến các đồng chí cán bộ lão thành, cán bộ nguyên lãnh đạo, đội ngũ trí thức, nhà khoa học, chuyên gia và ý kiến tham gia, góp ý, hiến kế của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Có kế hoạch tuyên truyền về dự thảo báo cáo chính trị trên các phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến. Các cấp ủy chuẩn bị dự thảo nghị quyết đại hội để đại hội thảo luận, quyết định.

- Đại hội các cấp phải dành thời gian thỏa đáng cho đại biểu thảo luận, phát huy dân chủ, trí tuệ tập thể, đề cao trách nhiệm của đại biểu; việc thảo luận cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng các ý kiến, tạo sự đoàn kết, thống nhất cao, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó.

3.3. Các hình thức tổ chức hội nghị thảo luận dự thảo các văn kiện

**** Đối với cấp cơ sở:***

- Tổ chức hội nghị chi bộ, đảng bộ cơ sở; hội nghị của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã, phường, thị trấn; hội nghị các đoàn thể cơ quan, đơn vị thảo luận tham gia ý kiến vào các dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp và cấp mình.

- Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các hội nghị, cấp ủy cơ sở tổng hợp trình đại hội cấp mình thảo luận, thông qua và báo cáo đảng bộ cấp trên.

**** Đối với cấp huyện và tương đương (bao gồm các thành ủy, huyện ủy và đảng ủy trực thuộc)***

- Lấy ý kiến đóng góp của các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh về mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ tới, gắn kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương với định hướng phát triển của tỉnh bằng hình thức phù hợp với tình hình địa phương.

- Tổ chức Hội nghị nguyên cán bộ lãnh đạo, quản lý; Hội nghị cán bộ chủ chốt và Hội nghị Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội để thảo luận tham gia ý kiến vào các dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và văn kiện đại hội đảng bộ cấp mình nhiệm kỳ 2025 - 2030. Thành phần cụ thể như sau:

+ Hội nghị nguyên cán bộ lãnh đạo, quản lý do Thường trực cấp ủy chủ trì, gồm: Các đồng chí nguyên ủy viên ban thường vụ, ủy viên ban chấp hành đảng bộ cấp huyện qua các thời kỳ và các thành phần khác do Ban Thường vụ cấp ủy quyết định.

+ Hội nghị cán bộ chủ chốt do Thường trực cấp ủy chủ trì, gồm: Các đồng chí ủy viên ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; bí thư, phó bí thư các chi bộ, đảng bộ cơ sở trực thuộc, Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐND, UBND cấp xã.

+ Hội nghị Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội do Thường trực

cấp ủy chủ trì: Tùy theo điều kiện của từng địa phương, có thể tổ chức hội nghị lấy ý kiến chung tất cả các đối tượng hoặc từng đối tượng là cán bộ hưu trí, thanh niên, phụ nữ, đoàn viên công đoàn, nông dân, cựu chiến binh,...

- Trên cơ sở ý kiến đóng góp của các chi bộ, đảng bộ cơ sở và tổng hợp ý kiến tại các hội nghị được tổ chức; thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc tổng hợp, thông qua đại hội đảng bộ cấp mình và báo cáo Đảng bộ tỉnh.

*** Đối với cấp tỉnh:**

- Tổ chức Hội nghị góp ý dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Thành phần hội nghị gồm: Các đồng chí nguyên Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy viên qua các thời kỳ và các thành phần khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định (*Ban cán sự đảng UBND tỉnh, các ban của Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

- Tổ chức Hội thảo về những định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn 2025 - 2030 và những năm tiếp theo. Thành phần gồm các nhà khoa học, trí thức, chuyên gia các lĩnh vực, Tổ chuyên gia,... (*Ban cán sự đảng UBND tỉnh tham mưu thực hiện*).

- Tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt và Hội nghị Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Công bố nội dung dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trên phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân tham gia ý kiến (*Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp Đảng đoàn MTTQVN tỉnh tham mưu thực hiện*).

- Công bố nội dung dự thảo: Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng và Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII trên phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân tham gia ý kiến (*Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

- Trên cơ sở ý kiến đóng góp tại đại hội các đảng bộ trực thuộc, Hội nghị cấp tỉnh và nhân dân; Tỉnh ủy tổng hợp, trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII thông qua và báo cáo Đại hội lần thứ XIV của Đảng (*Văn phòng Tỉnh ủy tham mưu thực hiện*).

4. Về công tác chuẩn bị nhân sự và bầu cử cấp ủy

Trước khi bước vào thực hiện quy trình công tác nhân sự Đại hội Đảng các cấp, cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy phải có trách nhiệm chỉ đạo cơ bản hoàn thành việc rà soát, đánh giá, kiện toàn đội ngũ cán bộ đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ở từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

4.1. Tiêu chuẩn cấp ủy viên

Việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới phải quán triệt sâu sắc Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương. Cấp ủy, Ban Thường vụ cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy cấp trên trong việc xem xét, rà soát lựa chọn, giới thiệu nhân sự cấp ủy, tổ chức đảng do mình phụ trách. Tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể (*theo Phụ lục số 1*).

4.2. Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc

và các tổ chức chính trị - xã hội

Thời điểm tính độ tuổi tham gia cấp ủy (là thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp): Cấp cơ sở tháng 4/2025; cấp huyện và tương đương tháng 6/2025; cấp tỉnh tháng 9/2025.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân, đoàn đại biểu Quốc hội tháng 5/2026.

Thời điểm tính độ tuổi tham gia chức danh lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội là thời điểm đại hội ở các cấp của mỗi tổ chức.

4.3. Độ tuổi tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải còn thời gian công tác ít nhất trọn 01 nhiệm kỳ trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp, thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 4.2 nêu trên.

Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy phải còn thời gian công tác ít nhất từ 1/2 nhiệm kỳ (30 tháng) trở lên tại thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội đảng bộ ở mỗi cấp (theo **Phụ lục số 2**).

Cán bộ tái cử cấp ủy, thì được tái cử các chức danh lãnh đạo chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội nhưng phải còn thời gian công tác ít nhất 18 tháng trở lên tại thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức¹. Thời điểm bầu cử hoặc đại hội của mỗi tổ chức theo quy định tại Điểm 4.2 nêu trên.

4.4. Cơ cấu, số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ và phó bí thư cấp ủy

a) Cơ cấu cấp ủy

- Phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; thực hiện chủ trương không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; quy định thống nhất những chức danh có cơ cấu "cứng" tham gia ban thường vụ, số chức danh còn lại do cấp ủy quyết định theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị và tình hình đội ngũ cán bộ của địa phương, đơn vị.

- Việc chuẩn bị nhân sự cần kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội.

- Cơ bản thực hiện bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Hội đồng nhân dân ở các cấp. Thực hiện bố trí bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở cấp huyện, cấp xã đối với những nơi có đủ điều kiện (địa phương có quy mô

¹ Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, sinh tháng 01/1966, Đảng ủy viên, Phó Chủ tịch UBND xã B nhiệm kỳ 2021 - 2026, đủ độ tuổi tái cử cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 nhưng không đủ độ tuổi để giới thiệu tái cử chức danh Phó Chủ tịch UBND xã nhiệm kỳ 2026 - 2031 do đến tháng 5/2026 chỉ còn 17 tháng công tác.

hợp lý; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được cấp có thẩm quyền đồng ý).

- Mỗi đồng chí trong thường trực cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã cơ bản không giữ quá 02 chức danh trong các chức danh lãnh đạo: Bí thư, Phó bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng đoàn đại biểu Quốc hội; trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Thực hiện chủ trương bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương, hoàn thành 100% ở cấp huyện; khuyến khích thực hiện ở cấp xã và các chức danh khác.

- Phân công, bố trí công tác mới hoặc giới thiệu ứng cử ở địa phương, cơ quan, đơn vị khác đối với các đồng chí bí thư cấp ủy cấp huyện và tương đương trở lên đã giữ chức vụ quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp (*từ 08 năm trở lên*) tính theo tháng tại một địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Phân đấu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; phân đấu tỉ lệ cán bộ trẻ (*dưới 42 tuổi đối với cấp tỉnh, cấp huyện; dưới 40 tuổi đối với cấp xã*) từ 10% trở lên (*Đối với cấp tỉnh, cấp huyện từ 42 đến 52 tuổi khoảng 40% - 50%, còn lại trên 52 tuổi; đối với cấp xã từ 40 đến 50 tuổi khoảng 40% - 50%, còn lại trên 50 tuổi*) tính cho cả nhiệm kỳ; tỉ lệ cấp ủy viên là người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị. Cấp ủy và người đứng đầu các cấp có thẩm quyền phải có trách nhiệm chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động, đề bạt, bố trí cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số vào các chức danh có cơ cấu tham gia cấp ủy khóa mới theo quy định.

- Phân đấu đổi mới không dưới 1/3 tổng số cấp ủy viên trong mỗi nhiệm kỳ. Thực hiện cơ cấu ba độ tuổi trong cấp ủy các cấp và phân đấu thực hiện trong ban thường vụ, thường trực cấp ủy.

- Vào đầu nhiệm kỳ, những nơi nào chưa bầu đủ số lượng, tỉ lệ, cơ cấu cấp ủy theo Kế hoạch này, thì trong nhiệm kỳ phải chủ động chuẩn bị nhân sự để kiện toàn, bổ sung theo quy định.

- Cơ cấu cấp ủy, tỉ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số tham gia cấp ủy và việc đổi mới cấp ủy đối với đảng bộ trong lực lượng vũ trang thực hiện theo hướng dẫn riêng của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương; đối với các doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị trực thuộc có tính chất đặc thù thực hiện theo hướng dẫn của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp.

b) Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ và phó bí thư cấp ủy

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy các cấp (*theo Phụ lục số 3*).

- Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện và tình hình đội ngũ cán bộ, đại hội quyết định số lượng cấp ủy viên; cấp ủy khóa mới quyết định số lượng ủy viên ban thường vụ, phó bí thư cấp ủy trên cơ sở quy định của cấp ủy có thẩm quyền.

4.5. Quy trình nhân sự cấp ủy

Quy trình nhân sự, gồm: (1) Quy trình giới thiệu nhân sự tái cử cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy. (2) Quy trình giới thiệu nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, phó bí thư, bí thư cấp ủy (theo **Phụ lục số 4**).

4.6. Thực hiện bầu cử trong đại hội

- Việc bầu cử ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, ủy ban kiểm tra và chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp thực hiện theo Quy chế bầu cử trong Đảng và các văn bản hiện hành liên quan.

- Trường hợp nhân sự dự kiến bầu làm Bí thư, Phó bí thư cấp ủy trong đề án nhân sự đã được cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua không trúng cử cấp ủy hoặc ban thường vụ cấp ủy khóa mới, thì cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy khóa mới tạm dừng việc bầu cử và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp (*qua ban tổ chức cấp ủy cấp trên trực tiếp*); sau khi có ý kiến chỉ đạo mới tiếp tục chuẩn bị và triển khai phương án bầu cử nhân sự theo quy định.

- Trường hợp đồng chí được dự kiến giới thiệu để bầu giữ chức chủ nhiệm ủy ban kiểm tra không trúng cử vào cấp ủy, ban thường vụ hoặc ủy ban kiểm tra cấp ủy cùng cấp thì ban thường vụ cấp ủy khóa mới báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo của ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp; sau khi có ý kiến chỉ đạo mới tiếp tục chuẩn bị và triển khai phương án bầu cử nhân sự theo quy định.

- Thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội đối với cấp cơ sở và cấp trên trực tiếp cơ sở (*không thực hiện đối với các đảng bộ trong Quân đội, Công an*) ở những nơi có đủ điều kiện (*nội bộ đoàn kết, thống nhất; nhân sự có phẩm chất, năng lực, uy tín, có khả năng đáp ứng tốt yêu cầu, nhiệm vụ được giao; được cấp có thẩm quyền đồng ý*).

- Đối với những nơi đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy, thì đại hội phải thực hiện việc lấy phiếu giới thiệu nhân sự bí thư cấp ủy trong số các đồng chí vừa trúng cử vào cấp ủy khóa mới. Trường hợp đại hội giới thiệu nhân sự khác với phương án nhân sự đã được cấp ủy có thẩm quyền phê duyệt, thì không tiến hành bầu cử và phải báo cáo ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp cho ý kiến chỉ đạo.

5. Cơ cấu, số lượng đại biểu và việc bầu đại biểu dự đại hội cấp trên

5.1. Số lượng đại biểu đại hội đảng bộ các cấp như sau:

- Đại hội đảng bộ tỉnh không quá 350 đại biểu.

- Đại hội cấp huyện và tương đương: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm không quá 300 đại biểu; Lạc Dương, Đam Rông, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh không quá 200 đại biểu; các địa phương, đơn vị còn lại không quá 250 đại biểu.

Đối với đảng bộ thực hiện chủ trương sáp nhập (*Đà Huoai, Đà Tẻh, Cát Tiên*), số lượng đại biểu đại hội đối với đảng bộ mới không quá 300 đại biểu.

- Đảng bộ cơ sở có dưới 200 đảng viên thì tiến hành đại hội đảng viên; có từ 200 đảng viên trở lên thì tiến hành đại hội đại biểu. Trường hợp đảng bộ cơ sở có

dưới 200 đảng viên nếu có khó khăn về điều kiện tổ chức đại hội đảng viên và được cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý, thì tổ chức đại hội đại biểu; số lượng đại biểu do cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định.

5.2. Cơ cấu đại biểu: Cơ bản giữ ổn định số lượng, cơ cấu đại biểu ở khối địa phương như nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bảo đảm có từ 01 đến 02 đại biểu ở ngành, lĩnh vực quan trọng (*không tính đại biểu đương nhiên*) để nâng cao chất lượng thảo luận tại đại hội.

5.3. Việc bầu đoàn đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên phải căn cứ vào Điều lệ Đảng, Quy chế bầu cử trong Đảng và hướng dẫn của cấp ủy cấp trên trực tiếp về số lượng, cơ cấu đại biểu đại hội đảng bộ các cấp nhưng cần chú trọng tiêu chuẩn đại biểu để bầu chọn đại biểu ưu tú, xứng đáng.

5.4. Đại hội đảng bộ các cấp được bầu một số đại biểu dự khuyết để thay thế đại biểu chính thức vắng mặt; số lượng đại biểu dự khuyết do đại hội quyết định.

6. Thời gian tiến hành đại hội đảng bộ các cấp

6.1. Thời gian tiến hành đại hội

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở không quá 01 ngày, bắt đầu từ tháng **01/2025** và hoàn thành trong tháng **02/2025**.

- Đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu cấp cơ sở không quá 02 ngày bắt đầu từ tháng **4/2025**, hoàn thành trong tháng **6/2025** (*kể cả Đảng bộ trường Đại học Đà Lạt và Viện Nghiên cứu hạt nhân*).

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện và tương đương không quá 03 ngày bắt đầu từ tháng **6/2025**, hoàn thành trong tháng **8/2025**.

- Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh không quá 04 ngày, hoàn thành trong tháng **10/2025**.

- Thời gian họp trừ bị được tính vào thời gian tiến hành đại hội, đối với cấp huyện và tương đương trở lên không quá 1/2 ngày.

- Thực hiện dừng việc bổ sung cấp ủy viên và ủy viên ban thường vụ cấp ủy các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 trước 06 tháng tính đến thời điểm bắt đầu tổ chức đại hội ở mỗi cấp theo Chỉ thị số 35-CT/TW, Kế hoạch của Tỉnh ủy (*tính theo thời điểm cơ quan có thẩm quyền nhận được văn bản đề nghị của cấp ủy*). Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối với huyện, xã có đề án sáp nhập, hợp nhất theo Kế hoạch của tỉnh thì dừng việc bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy. Trường hợp đặc biệt cần bổ sung cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy địa phương đối với nhân sự là lãnh đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang theo yêu cầu, nhiệm vụ do cấp ủy có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6.2. Tổ chức đại hội điểm và thí điểm đại hội bầu trực tiếp bí thư cấp ủy

a) Đại hội điểm

- Đảng ủy cơ sở chọn 01 chi bộ trực thuộc để chỉ đạo đại hội điểm trong tháng **01/2025**.

- Mỗi thành ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy chọn 01-

02 đảng bộ, chi bộ cơ sở để chỉ đạo đại hội điểm trong tháng **3/2025**.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn 01 đảng bộ trực thuộc (*cấp trên cơ sở*) để chỉ đạo đại hội điểm, thời gian đại hội vào cuối tháng **6/2025**.

b) Thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội:

- Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Tỉnh ủy (*trừ Công an, Quân sự*) chọn 01 - 02 đảng bộ cơ sở trực thuộc để thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy chọn 01 hoặc 02 đảng bộ trực thuộc (*cấp trên cơ sở*) để thực hiện thí điểm bầu bí thư cấp ủy tại đại hội.

** Việc tổ chức đại hội điểm và đại hội trực tiếp bầu bí thư cấp ủy cơ sở, các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy báo cáo và được sự thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi tổ chức đại hội.*

6.3. Thời gian và nội dung cụ thể

(1) Từ tháng 9/2024 đến trước tháng 10/2024:

- Ban hành Kế hoạch, tổ chức Hội nghị toàn tỉnh để quán triệt Chỉ thị, Kế hoạch và các văn bản liên quan đến đại hội đảng bộ các cấp (*đề cương dự thảo văn kiện, kế hoạch công tác tuyên truyền, kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ,...*).

- Các cấp ủy đảng hoàn thành việc rà soát, bổ sung quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ, cán bộ chủ chốt các cấp để làm cơ sở cho chuẩn bị nhân sự đại hội (*Lưu ý: Bổ sung vào dự nguồn cấp ủy cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ dân tộc thiểu số để giới thiệu tham gia cấp ủy nhiệm kỳ tới, bảo đảm tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ và theo định hướng cơ cấu*).

- Các cấp ủy trực thuộc căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW, Kế hoạch này, thành lập các Tiểu ban chuẩn bị đại hội của cấp ủy; tổ chức quán triệt, hướng dẫn đại hội đối với cấp dưới (*thành phần tham dự do Ban thường vụ cấp ủy quy định*); xây dựng kế hoạch, chuẩn bị dự thảo văn kiện và công tác nhân sự đại hội đảng bộ cấp mình; phân công ủy viên Ban Thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo văn kiện và công tác nhân sự đại hội đảng bộ cấp dưới.

(2) Từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2024

- Hoàn thành kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với tập thể và cá nhân năm 2024 và cả nhiệm kỳ (*Chỉ đạo đánh giá kỹ cán bộ cấp ủy đương nhiệm và dự nguồn cấp ủy các cấp, làm cơ sở cho công tác chuẩn bị nhân sự*).

- Tỉnh ủy quyết định phân bổ đại biểu đảng bộ huyện, thành phố và đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy đi dự Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII. Đồng thời, Ban Chấp hành các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy quyết định việc phân bổ đại biểu cấp cơ sở đi dự đại hội cấp mình. Ban Chấp hành Đảng bộ xã, phường, thị trấn nơi tổ chức đại hội đại biểu quyết định phân bổ đại biểu từ các chi bộ trực thuộc đi dự đại hội cấp mình.

(3) Từ tháng 01/2025 đến cuối tháng 3/2025

- Đại hội chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở (*bắt đầu từ tháng 01/2025 và hoàn*

thành trong tháng 02/2025).

- Cấp ủy cấp huyện và tương đương chỉ đạo chuẩn bị và tiến hành đại hội điểm cấp cơ sở tháng 3/2025. Tổ chức thảo luận, góp ý các dự thảo văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện Đại hội Đảng bộ cấp trên trực tiếp.

- Xét duyệt nội dung đại hội, cho ý kiến số lượng cấp ủy viên và nhân sự cấp ủy cơ sở, ấn định thời gian đại hội các đảng bộ cơ sở, chi bộ cơ sở.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ban Thường vụ cấp huyện và tương đương chỉ đạo giải quyết dứt điểm các vấn đề về mất đoàn kết nội bộ, đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc cán bộ vi phạm kỷ luật...; bố trí, điều động, luân chuyển cán bộ theo hướng cơ cấu; thay thế cán bộ không bảo đảm tiêu chuẩn trước khi tiến hành đại hội.

(4) Từ tháng 4/2025 đến cuối tháng 8/2025

- Đại hội cấp cơ sở; cấp ủy cấp huyện và tương đương báo cáo tiến độ đại hội theo yêu cầu, xử lý *(từ tháng 4/2025 đến ngày 30/6/2025)* các tình huống phát sinh, báo cáo kết quả đại hội gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy)* trước ngày 15/7/2025.

- Tháng 5/2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến vào văn kiện đại hội và nhân sự các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy. Trên cơ sở đó, các cấp ủy bổ sung, hoàn chỉnh trước khi tổ chức đại hội.

- Cuối tháng 6/2025, đại hội điểm đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

- Tháng 6 đến cuối tháng 8/2025, đại hội các đảng bộ cấp huyện và tương đương. Báo cáo kết quả và tình hình kết quả bầu cử sau 03 ngày làm việc đại hội về Ban Thường vụ Tỉnh ủy *(qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy)* để tổng hợp, chuẩn y.

(5) Từ tháng 8/2025 đến tháng 9/2025: Hoàn thành phương án nhân sự cấp ủy tỉnh khóa XII, Văn kiện, Chương trình Đại hội, công tác chuẩn bị Đại hội; gửi hồ sơ đến Ban Tổ chức Trung ương thẩm định, cho ý kiến; bổ sung, hoàn chỉnh theo sự chỉ đạo của Trung ương (nếu có), trình Tỉnh ủy xem xét thông qua.

(6) Tháng 10/2025: Tiến hành Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

7. Việc phân công, bố trí và thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ sau đại hội

- Thực hiện việc phân công cấp ủy viên khóa mới ngay sau đại hội theo phương án nhân sự đại hội và yêu cầu tình hình thực tiễn.

- Đối với cán bộ không tái cử *(cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã)*, nhưng còn thời gian công tác từ 24 tháng đến dưới 30 tháng, nếu còn đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe và có nguyện vọng công tác, thì xem xét, bố trí công việc phù hợp *(trừ cán bộ có nguyện vọng nghỉ hưu sớm, thì cho nghỉ hưu trước tuổi nhưng không bị trừ tỉ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng trợ cấp một lần theo quy định của pháp luật)*. Cán bộ còn dưới 24 tháng mới đến tuổi nghỉ hưu, nếu địa phương, cơ quan, đơn vị có khó khăn, không thể sắp xếp, bố trí, thì cần chủ động làm tốt công tác tư tưởng, động viên cán bộ nghỉ công tác, cơ bản giữ

nguyên chế độ và chờ đủ tuổi nghỉ hưu. Cán bộ không đủ tuổi tái cử hoặc có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi, thì kịp thời giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

- Cán bộ ở cấp xã không tái cử thực hiện theo Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và quy định của pháp luật.

- Thời điểm thôi giữ chức vụ lãnh đạo hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và các chức danh lãnh đạo có cơ cấu cấp ủy nhưng không tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 thực hiện như sau:

+ Cấp tỉnh: Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy cấp tỉnh thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của hội đồng nhân dân tỉnh sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân tỉnh nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu hội đồng nhân dân, thì đề cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

+ Cấp huyện, cấp xã: Cán bộ đến tuổi nghỉ hưu sau đại hội hoặc còn tuổi công tác nhưng không tham gia cấp ủy sau đại hội đảng bộ cấp xã và cấp huyện nhiệm kỳ 2025 - 2030 thì cho thôi giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sau đại hội hoặc vào phiên họp thường kỳ gần nhất của hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện sau đại hội. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo hội đồng nhân dân cấp xã, cấp huyện nếu nhân sự được chuẩn bị thay thế chưa là đại biểu Hội đồng nhân dân thì đề cán bộ đương nhiệm tiếp tục giữ chức vụ đến hết nhiệm kỳ 2021 - 2026.

III. THÀNH LẬP TIỂU BAN NHÂN SỰ VÀ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN NHÂN SỰ

1. Đối với cấp tỉnh

1.1. Thành lập Tiểu ban nhân sự

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Tiểu ban nhân sự từ 05 - 07 đồng chí (*không quá 50% số lượng ủy viên ban thường vụ đương nhiệm*), gồm Bí thư, các Phó Bí thư, Trưởng ban Tổ chức, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra và một số đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*nếu cần*). Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy làm Trưởng Tiểu ban, đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm Thường trực Tiểu ban.

**** Nhiệm vụ của Tiểu ban nhân sự***

- Tham mưu Ban Thường vụ cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng đề án nhân sự và kế hoạch triển khai quy trình giới thiệu nhân sự cấp ủy, Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư; Ủy ban Kiểm tra, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy (*trên cơ sở đề xuất của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy*) nhiệm kỳ 2025 - 2030; Đề án nhân sự Đoàn đại biểu dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và kế hoạch phân bổ đại biểu dự đại hội đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030; xây dựng Phương án nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND tỉnh, Trưởng đoàn, Phó Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, cho ý kiến trước khi trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, nguyên tắc, quy chế, kế hoạch làm việc của tiểu ban nhân sự và tổ giúp việc (*nếu có*).

- Xây dựng kế hoạch làm việc với các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về công tác chuẩn bị nhân sự; lãnh đạo, chỉ đạo tiến hành khảo sát nhân sự theo yêu cầu, tình hình cụ thể (*thành phần, nội dung, cách thức khảo sát do Tiểu ban quyết định*). Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao.

*** Xây dựng Đề án nhân sự**

Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng Đề án nhân sự nhiệm kỳ 2025 - 2030, trong đó tập trung một số nội dung sau:

- Xây dựng báo cáo tổng kết công tác nhân sự nhiệm kỳ 2020 - 2025: Để có cơ sở xây dựng Đề án công tác nhân sự nhiệm kỳ 2025 - 2030, cần phải đánh giá bối cảnh, tình hình; kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém của nhiệm kỳ 2020 - 2025; chỉ rõ nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra biện pháp khắc phục trong nhiệm kỳ tới.

- Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, những định hướng lớn của Trung ương, các quy định, hướng dẫn của cấp trên để xác định rõ tình hình, bối cảnh, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030 và những năm tiếp theo; Cụ thể hóa, xác định tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng cấp ủy để đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số theo quy định. Thực hiện có hiệu quả phương châm: Coi trọng chất lượng cấp ủy, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn và không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy các cấp.

- Việc xây dựng báo cáo công tác nhân sự và phương hướng công tác nhân sự cần phải được thảo luận dân chủ, kỹ lưỡng, phát huy trí tuệ của tập thể và tạo sự đoàn kết, thống nhất cao trong cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy; đồng thời tiếp thu tối đa ý kiến góp ý của cấp ủy, tổ chức đảng; tạo sự thống nhất, đồng thuận của cán bộ, đảng viên trong đảng bộ. Trường hợp trong thảo luận nhân sự, nếu ý kiến của ban thường vụ cấp ủy khác với biểu quyết của cấp ủy, thì ban thường vụ cấp ủy phải báo cáo, xin ý kiến cấp ủy cấp trên có thẩm quyền.

- Chủ động phòng ngừa, cảnh giác, ngăn chặn, đấu tranh, không để tác động, chi phối bởi những thông tin sai lệch, thông tin không chính thức, thông tin bịa đặt, xuyên tạc trên internet, mạng xã hội, thông tin dư luận xấu chưa được kiểm chứng liên quan đến nhân sự và công tác chuẩn bị nhân sự để làm cơ sở xem xét trong quá trình chuẩn bị nhân sự đại hội.

1.2. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập các tiểu ban đại hội; phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) ở các đảng bộ trực thuộc.

2. Đối với cấp huyện và tương đương

Ban Thường vụ cấp huyện và tương đương căn cứ nguyên tắc, nội dung, yêu cầu nêu tại Điểm 1, Mục III (*thành lập và phân công nhiệm vụ của Tiểu ban nhân sự, xây dựng Đề án nhân sự*) để cụ thể hóa cho phù hợp với đặc điểm tình hình và yêu cầu cụ thể của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Đối với cấp cơ sở

Giao Ban Thường vụ cấp huyện quy định cho phù hợp với đặc điểm, tình hình

và yêu cầu cụ thể của từng địa phương.

Lưu ý: Đối với xây dựng Đề án nhân sự phải nhấn mạnh vai trò, tầm quan trọng của việc chuẩn bị nhân sự Đại hội, trong đó, phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, Đảng bộ trong công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội và chịu trách nhiệm về quyết định của mình; khắc phục tình trạng quá trình chuẩn bị nhân sự đúng quy trình nhưng lựa chọn không đúng người.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức quán triệt, xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW và Kế hoạch này đảm bảo nghiêm túc, hiệu quả.

2. Các cấp ủy thành lập các Tiểu ban giúp việc chuẩn bị và tổ chức đại hội; phân công ủy viên thường vụ và cấp ủy viên chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đảng bộ cấp dưới; chủ động nắm tình hình, kịp thời có biện pháp xử lý, tháo gỡ ở các đảng bộ, chi bộ có khó khăn hoặc có vấn đề phức tạp nảy sinh.

Ban Thường vụ cấp ủy cấp dưới báo cáo Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp việc chuẩn bị văn kiện và Đề án nhân sự cấp ủy khóa mới, khi được Ban Thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp đồng ý mới tiến hành đại hội. Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến dự thảo văn kiện, Đề án nhân sự cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy, chỉ đạo, kiểm tra việc chuẩn bị và tổ chức đại hội các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy.

3. Sau đại hội, cấp ủy khóa mới tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức đại hội; báo cáo cấp ủy cấp trên chuẩn y kết quả bầu cử cấp ủy, kiện toàn các chức danh lãnh đạo cơ quan nhà nước nhiệm kỳ 2021 - 2026; đồng thời chuẩn bị nhân sự lãnh đạo HĐND, UBND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, nhân sự lãnh đạo MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định. Xây dựng Quy chế làm việc, chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện nghị quyết đại hội, phân công công tác đối với cấp ủy viên và kịp thời thực hiện chế độ, chính sách đối với các đồng chí không tái cử theo quy định.

4. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc chuẩn bị và tổ chức đại hội ở các địa phương, đơn vị; nắm tình hình và tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo đại hội từ cấp cơ sở đến cấp tỉnh, tiến tới Đại hội lần thứ XIV của Đảng, cụ thể:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy: Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, quán triệt ở cấp tỉnh; phối hợp, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền đại hội đảng các cấp, các dự thảo văn kiện đại hội từng cấp để lấy ý kiến đóng góp của nhân dân; kịp thời nắm bắt, định hướng tư tưởng và dư luận xã hội; hướng dẫn thực hiện các nghi thức, trang trí, khai mạc, bế mạc đại hội; hướng dẫn nội dung tổ chức các đợt thi đua chào mừng đại hội đảng các cấp.

- Văn phòng Tỉnh ủy: Tham mưu hướng dẫn việc tổ chức thảo luận, tổng hợp góp ý kiến vào các dự thảo văn kiện của Trung ương, của tỉnh; hướng dẫn thực hiện kinh phí và chế độ chi tiêu đại hội các cấp; phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn xây dựng đề cương văn kiện, chương trình, kịch bản (khi cần), kiểm phiếu đại hội; sắp xếp lịch để quán triệt tại hội nghị. Lập hồ sơ, lưu trữ hồ sơ đại

hội theo quy định.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy: Căn cứ Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW và Kế hoạch này, tham mưu hướng dẫn về công tác đại hội; chủ trì phối hợp với các ban của Tỉnh ủy hướng dẫn việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đảng các cấp. Kịp thời tham mưu xử lý những vấn đề phát sinh khi đại hội ở các cấp; theo dõi tiến độ và báo cáo tổng kết công tác lãnh đạo, chỉ đạo đại hội đảng trong toàn Đảng bộ tỉnh. Tham mưu phân bổ đại biểu, thông báo thời gian đại hội, đăng ký đại hội điểm, thí điểm; thành lập tổ kiểm phiếu đại hội; tiến hành công tác kiểm tra, giám sát; hướng dẫn công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chính sách cán bộ,...

- Ban Dân vận Tỉnh ủy: Theo dõi, hướng dẫn, nắm tình hình các tầng lớp nhân dân; hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tổ chức cho đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân ở địa phương tham gia góp ý vào dự thảo văn kiện đại hội đảng các cấp. Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức các đợt thi đua lập thành tích chào mừng đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy: Chỉ đạo, hướng dẫn giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự dự kiến bầu vào cấp ủy, dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp; phối hợp Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn quy trình nhân sự ủy ban kiểm tra cấp ủy các cấp; tham mưu, đề xuất Đề án nhân sự Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ban Nội chính Tỉnh ủy: Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo liên quan đến nhân sự dự kiến bầu vào cấp ủy, đại biểu dự đại hội đảng bộ các cấp theo thẩm quyền; tham gia với các cơ quan liên quan về công tác cán bộ theo phân cấp.

- Đảng ủy Công an tỉnh, Quân sự tỉnh: Chủ động phối với các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch và tham mưu việc lãnh đạo, chỉ đạo bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn - xã hội trước, trong và sau đại hội đảng từ cấp cơ sở đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có những khó khăn, vướng mắc, các cấp ủy, cơ quan, đơn vị tổng hợp, báo cáo Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để chỉ đạo, xử lý kịp thời.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Văn phòng Trung ương (báo cáo),
- UBKT Trung ương (báo cáo),
- Vụ III - BTC Trung ương (báo cáo),
- Vụ VII - UBKT Trung ương (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, BTV Tỉnh đoàn,
- Thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH3.

**T/M TỈNH ỦY
Q. BÍ THƯ**



Nguyễn Thái Học



PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN CẤP ỦY VIÊN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 09/9/2024 của Tỉnh ủy)

1. Tiêu chuẩn chung

Tiêu chuẩn cấp ủy viên các cấp cơ bản thực hiện theo Quy định số 89-QĐ/TW, ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị khóa XII và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; trong đó, nhấn mạnh một số tiêu chuẩn sau:

(1) Có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với lợi ích của Đảng, Nhà nước và của nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng, mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Kiên quyết đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước.

(2) Có phẩm chất đạo đức, lối sống gương mẫu, trong sáng; thực hiện nghiêm quy định của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ; cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; kê khai tài sản, thu nhập trung thực, minh bạch; không cơ hội, tham vọng quyền lực, cục bộ, bè phái, tham nhũng, tiêu cực, "lợi ích nhóm",... Không để vợ hoặc chồng, con, người thân lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi.

(3) Có năng lực cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tư duy đổi mới, tầm nhìn, phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả; nói đi đôi với làm, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; có thành tích, kết quả công tác và "sản phẩm" cụ thể trong địa bàn, lĩnh vực công tác được giao.

(4) Có trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và theo quy định của Đảng, Nhà nước; trình độ tin học, ngoại ngữ cần thiết và phù hợp.

(5) Cán bộ được giới thiệu để bầu tham gia cấp ủy, các chức danh lãnh đạo cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội (*chức vụ cao hơn*), nhìn chung phải có thời gian giữ chức vụ đang đảm nhiệm hoặc chức vụ tương đương ít nhất là 2 năm (24 tháng); trường hợp đặc biệt có thời gian giữ chức vụ ít nhất là 1 năm (12 tháng), do cấp ủy có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ xem xét, quyết định.

(6) Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; bảo đảm tuổi bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định của Đảng.

2. Tiêu chuẩn cụ thể

(1) Tiêu chuẩn các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp tỉnh (*Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng Đoàn ĐBQH tỉnh*): Thực hiện theo Quy định số 214-QĐ/TW, ngày

02/01/2020 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý.

(2) Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp ủy cấp huyện (tương đương): Thực hiện theo Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; các đồng chí được giới thiệu để bầu giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp huyện thì phải bảo đảm tiêu chuẩn của tất cả chức danh dự kiến đảm nhiệm.

(3) Tiêu chuẩn cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt cấp cơ sở: Căn cứ vào tiêu chuẩn chung (nêu tại Mục 1) và yêu cầu, nhiệm vụ của nhiệm kỳ đại hội 2025 - 2030, Ban thường vụ thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy quy định, bảo đảm phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, đơn vị.



PHỤ LỤC 2

ĐỘ TUỔI CẤP ỦY VIÊN NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 09/9/2024 của Tỉnh ủy)

1. Những đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy

1.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9/1968, nữ sinh từ tháng 5/1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây).

1.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 6/1968, nữ sinh từ tháng 02/1972 trở lại đây.

1.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, ngày 10/6/2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 4/1968, nữ sinh từ tháng 01/1972 trở lại đây.

- Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: tùy theo tình hình năng lực, sức khỏe để bố trí, sắp xếp cho phù hợp đảm bảo theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

2. Những đồng chí được giới thiệu tái cử cấp ủy

2.1. Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 4/1966, nữ sinh từ tháng 9/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 3/1968 trở lại đây).

2.2. Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 3/1966, nữ sinh từ tháng 8/1970 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 12/1967 trở lại đây).

2.3. Đối với cấp xã:

- Cán bộ, công chức cấp xã: Nam sinh từ tháng 01/1966, nữ sinh từ tháng 6/1970 trở lại đây.

- Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 30 tháng theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu nêu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023).

- Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Tùy theo tình hình năng lực, sức khỏe để bố trí, sắp xếp cho phù hợp đảm bảo theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW, ngày 28/5/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI.

2.4. Đối với lực lượng vũ trang: Độ tuổi tham gia cấp ủy căn cứ vào độ tuổi nghỉ hưu quy định tại Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Các đồng chí tham gia cấp ủy địa phương thực hiện theo quy định chung về độ tuổi tham gia cấp ủy các cấp theo Kế hoạch này.

Các đồng chí tham gia cấp ủy trong quân đội, công an tuổi tái cử phải đủ tuổi

công tác ít nhất 1/2 nhiệm kỳ (*30 tháng đối với nhiệm kỳ 5 năm*); trường hợp đặc biệt còn tuổi công tác từ 1 năm (*12 tháng*) đến dưới 30 tháng phải là các đồng chí có năng lực, đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ, uy tín cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm cán bộ quyết định (*theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương*).

2.5. Đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp

Về độ tuổi tái cử cấp ủy đối với một số trường hợp đặc thù, gồm: Bí thư là thủ trưởng; bí thư, phó bí thư cấp ủy chuyên trách trong đảng bộ của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp; các đồng chí tái cử cấp ủy trong đảng bộ quân sự, công an (*tỉnh, huyện*); bí thư cấp ủy là giám đốc (tổng giám đốc) thuộc doanh nghiệp nhà nước; chủ tịch HĐQT, HĐQT trong công ty TNHH 1 thành viên 100% vốn nhà nước và Ngân hàng chính sách, Ngân hàng Phát triển Việt Nam chi nhánh Lâm Đồng, Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam chi nhánh Lâm Đồng còn tuổi công tác từ 01 năm (12 tháng trở lên), nếu có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, sức khỏe, hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và được cấp có thẩm quyền đồng ý, thì có thể xem xét tiếp tục tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.



PHỤ LỤC 3

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN, ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 09/9/2024 của Tỉnh ủy)

I. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CẤP ỦY VIÊN CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Số lượng: Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện như nhiệm kỳ 2015 - 2020:

1.1. *Số lượng cấp ủy viên cấp tỉnh:* Theo Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, ngày 26/8/2024 của Ban Tổ chức Trung ương.

1.2. *Số lượng cấp ủy viên cấp huyện, thành phố²:*

+ Thành ủy, huyện ủy: Đà Lạt, Bảo Lộc, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh, Bảo Lâm, số lượng cấp ủy viên không quá 43 đồng chí.

+ Huyện ủy: Lạc Dương, Đơn Dương, Đam Rông số lượng cấp ủy viên không quá 41 đồng chí. Riêng Đạ Huoai, Đạ Tẻh, Cát Tiên: Nếu đại hội trước khi sáp nhập, hợp nhất thì số lượng cấp ủy bằng số cấp ủy hiện có (không bao gồm số cấp ủy nghỉ hưu, chuyển công tác); Nếu đại hội sau khi sáp nhập, hợp nhất thì thực hiện có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Kế hoạch này, nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng cấp ủy viên không quá 43 đồng chí.

1.3. *Số lượng cấp ủy viên đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy:*

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh không quá 27 đồng chí, Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh không quá 21 đồng chí.

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh (*thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương*).

+ Số lượng cấp ủy viên của Đảng ủy Trường Đại học Đà Lạt, Đảng ủy Viện Nghiên cứu hạt nhân không quá 11 đồng chí.

- Cán bộ được Trung ương, được tỉnh điều động, luân chuyển giữ chức vụ bí thư, phó bí thư cấp ủy hoặc phó bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện nằm trong số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên thường vụ cấp ủy nêu tại Kế hoạch này.

2. Định hướng cơ cấu:

- *Đối với cấp tỉnh và cấp huyện*

Bí thư, phó bí thư; chủ tịch và các phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch và các Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân; cấp trưởng, cấp phó (*trừ Văn phòng, Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận*) các cơ quan chuyên trách, tham mưu giúp việc cấp ủy; Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; trưởng các

² Chỉ thị số 28-CT/TU, ngày 08/7/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

tổ chức chính trị - xã hội: Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Liên đoàn Lao động, Hội Nông dân; Chỉ huy trưởng quân sự; Trưởng công an; bí thư cấp ủy địa phương; Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân (*đối với Chính ủy, chính trị viên và phó trưởng công an thực hiện theo hướng dẫn của Quân ủy Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương*).

Trưởng một sở, ngành quan trọng; trưởng một sở phòng chuyên môn (*đối với cấp huyện, thành phố*),...

- *Đối với các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy*: Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy căn cứ vào tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ chính trị cụ thể của đơn vị và khả năng đáp ứng của cán bộ để xác định cơ cấu cấp ủy cho phù hợp.

II. SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP TỈNH NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Ban thường vụ

1.1. Số lượng: 15 đồng chí.

1.2. Định hướng cơ cấu: Bí thư, Phó Bí thư; Chủ tịch và 1 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch và 1 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và trưởng các ban: Tổ chức, Tuyên giáo, Dân vận, Nội chính; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Bí thư Thành ủy Đà Lạt, Bảo Lộc.

2. Phó Bí thư: Số lượng Phó bí thư Bộ Chính trị sẽ quy định cụ thể sau khi tổng kết Kết luận số 88-KL/TW, ngày 19/9/2020 về việc bố trí số lượng Phó bí thư các tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025.

III. SỐ LƯỢNG ỦY VIÊN BAN THƯỜNG VỤ, PHÓ BÍ THƯ CẤP ỦY CẤP HUYỆN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NHIỆM KỲ 2025 - 2030

1. Đối với huyện, thành phố

1.1. Số lượng: Các thành ủy, huyện ủy số lượng ban thường vụ cấp ủy không quá 13 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

1.2. Định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy cấp huyện giống như định hướng cơ cấu ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

**Lưu ý:* Đối với đảng bộ thực hiện thí điểm chủ trương bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch ủy ban nhân dân, thì tiếp tục cơ cấu 02 phó bí thư: 01 phó bí thư thường trực cấp ủy, 01 phó bí thư chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc phụ trách lĩnh vực công tác cần tập trung sự lãnh đạo của cấp ủy (*nếu đồng chí phó bí thư cấp ủy không đủ điều kiện về tuổi để bầu hoặc tái cử giữ chức chủ tịch Hội đồng nhân dân*).

2. Đối với đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh: Số lượng ủy viên thường vụ không quá 09 đồng chí; phó bí thư 02 đồng chí.

- Đảng ủy Khối doanh nghiệp tỉnh: Số lượng ủy viên thường vụ không quá 07 đồng chí; phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

- Đảng ủy Công an tỉnh, Đảng ủy Quân sự tỉnh: Số lượng ủy viên thường vụ; phó bí thư (*thực hiện theo Hướng dẫn của Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương*).

- Đảng ủy Trường Đại học Đà Lạt, Đảng ủy Viện Nghiên cứu hạt nhân Đà Lạt: Số lượng ủy viên thường vụ 03 đồng chí; phó bí thư từ 01 đến 02 đồng chí.

IV. CẤP CƠ SỞ

1. Đối với đảng bộ xã, phường, thị trấn

- Số lượng cấp ủy viên không quá 15 đồng chí; ban thường vụ không quá 05 đồng chí; phó bí thư không quá 02 đồng chí.

- Cơ cấu cấp ủy gồm: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch ủy ban nhân dân; trưởng quân sự, trưởng công an, trưởng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội (*phụ nữ, thanh niên, cựu chiến binh, nông dân*) và một số công chức, người hoạt động không chuyên trách, cán bộ văn phòng đảng ủy cấp xã đang công tác, bí thư chi bộ thôn, tổ dân phố, ngành giáo dục, y tế,...; cơ cấu cụ thể do ban thường vụ cấp ủy cấp huyện xem xét, quyết định, đảm bảo phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ.

- Định hướng bố trí cơ cấu ban thường vụ cấp ủy gồm: Bí thư, phó bí thư, chủ tịch UBND, chủ tịch HĐND, trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự, chủ tịch Mặt trận Tổ quốc; ban thường vụ cấp ủy cấp huyện xem xét, quyết định cơ cấu cụ thể cho thống nhất và phù hợp với tình hình, yêu cầu nhiệm vụ, trong đó quan tâm bố trí cơ cấu đồng chí trưởng công an tham gia ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn để thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu cho ban thường vụ đảng ủy xã, phường, thị trấn lãnh đạo thực hiện các mặt công tác, đảm bảo an ninh trật tự ở cơ sở trong tình hình mới.

- Cán bộ được cấp huyện điều động, luân chuyển giữ các chức vụ chủ chốt cấp xã được tính vào số lượng ủy viên ban chấp hành, ủy viên ban thường vụ cấp ủy nêu tại Kế hoạch này.

2. Những đảng bộ cơ sở thuộc loại hình khác

- Số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ thực hiện như ở nhiệm kỳ 2020 - 2025.

- Cơ cấu cấp ủy do Ban thường vụ thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy căn cứ vào quy định chung và tình hình, đặc điểm cụ thể của địa phương, đơn vị để hướng dẫn cho phù hợp.

V. ĐẢNG BỘ THỰC HIỆN CHỦ TRƯỞNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

Đối với những đảng bộ cấp xã, cấp huyện thực hiện việc hợp nhất, sáp nhập theo quy định của Đảng, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì số lượng cấp ủy viên, ủy viên ban thường vụ, phó bí thư, ủy ban kiểm tra cấp ủy tại thời điểm hợp nhất, sáp nhập có thể nhiều hơn số lượng nêu tại Kế hoạch này nhưng tối đa không quá tổng số lượng hiện có của các đảng bộ trước khi hợp nhất (*không bao gồm các đồng chí đến tuổi nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc chuyển công tác khác*) và chậm nhất sau 5 năm kể từ ngày thành lập đảng bộ mới, thì số lượng phải thực hiện theo quy định nêu tại Kế hoạch này.

VI. ĐẢNG BỘ QUÂN ĐỘI, CÔNG AN

Đảng bộ Quân đội, Công an thực hiện theo quy định riêng của Bộ Chính trị.



PHỤ LỤC 4

QUY TRÌNH VÀ HỒ SƠ NHÂN SỰ CẤP ỦY NHIỆM KỲ 2025 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số 135-KH/TU, ngày 09/9/2024 của Tỉnh ủy)

I. QUY TRÌNH NHÂN SỰ (các hội nghị thực hiện quy trình nhân sự chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số người được triệu tập có mặt tham dự).

Thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí tái cử cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy trước; sau khi xác định được số lượng các đồng chí tái cử mới tiếp tục thực hiện quy trình nhân sự đối với các đồng chí lần đầu tham gia cấp ủy, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy, cụ thể như sau:

1. Quy trình nhân sự tái cử cấp ủy

(1) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và danh sách nhân sự cấp ủy đương nhiệm; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

(2) Bước 2: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự tái cử bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn: Nhân sự được giới thiệu, lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập. Kết quả kiểm phiếu được công bố tại hội nghị.

2. Quy trình nhân sự lần đầu tham gia cấp ủy

(1) Bước 1: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 1)

Căn cứ đề án nhân sự cấp ủy khóa mới được cấp ủy thông qua và trên cơ sở danh sách nguồn nhân sự quy hoạch cấp ủy nhiệm kỳ mới; ban thường vụ cấp ủy thảo luận, thông qua danh sách nhân sự quy hoạch đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định và tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được lựa chọn, giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định³ trong danh sách nhân sự đã được ban thường vụ thông qua.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 30% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 30%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến

³ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 45 người (tính theo số dư 30%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

hành giới thiệu ở bước 2). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 2.

(2) Bước 2: Hội nghị cán bộ chủ chốt

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 1, hội nghị nghiên cứu danh sách trích ngang của nhân sự và ghi phiếu giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

- Thành phần:

+ Ở cấp tỉnh: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh; trưởng các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; bí thư, phó bí thư các đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

+ Ở cấp huyện: Là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; chủ tịch, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện; trưởng các phòng, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; bí thư, phó bí thư các chi ủy, đảng ủy trực thuộc, chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

+ Ở đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là các đồng chí trong ban chấp hành đảng bộ; trưởng, phó các phòng, ban và tương đương; trưởng các đoàn thể; bí thư, phó bí thư các chi, đảng ủy trực thuộc.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁴ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 1.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 30% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 25% *(nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 25%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 3)*. Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 3.

(3) Bước 3: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 1)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 2, ban chấp hành đảng bộ thảo luận và tiến hành giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁵ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 2.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 20% *(nếu*

⁴ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 43 người (tính theo số dư 25%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

⁵ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 40 người (tính theo số dư 20%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy. Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

chưa đạt tỉ lệ số dư 20%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ số dư trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 4). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 4.

(4) Bước 4: Hội nghị ban thường vụ cấp ủy (lần 2)

Trên cơ sở kết quả giới thiệu nhân sự ở bước 3, ban thường vụ cấp ủy thảo luận và giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁶ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 3.

- Nhân sự được lựa chọn, giới thiệu phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất từ 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số dư 15% (nếu chưa đạt tỉ lệ số dư 15%, thì phải tiếp tục giới thiệu bổ sung cho đủ trước khi tiến hành giới thiệu ở bước 5). Trường hợp cuối danh sách giới thiệu có nhiều người có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì đưa tất cả các đồng chí được giới thiệu vào danh sách để giới thiệu ở bước 5.

(5) Bước 5: Hội nghị ban chấp hành đảng bộ (lần 2)

Trên cơ sở kết quả phiếu giới thiệu ở các hội nghị; kết quả xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có) đối với nhân sự; ban chấp hành đảng bộ thảo luận và biểu quyết giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín.

Nguyên tắc giới thiệu, lựa chọn:

- Mỗi thành viên được giới thiệu không quá cơ cấu, số lượng theo quy định⁷ và lựa chọn, giới thiệu nhân sự trong danh sách nhân sự được giới thiệu ở bước 4.

- Nhân sự được lựa chọn phải đạt tỉ lệ phiếu đồng ý ít nhất trên 50% tổng số đại biểu được triệu tập trở lên và lấy từ trên xuống cho đủ số lượng theo quy định (số lượng được giới thiệu tính theo số dư từ 10 đến 15%). Trường hợp có hai người trở lên cùng có số phiếu giới thiệu bằng nhau thì lựa chọn nhân sự do người đứng đầu cấp ủy giới thiệu.

*** Lưu ý:**

- Kết quả kiểm phiếu ở các bước 1, 3, 4, 5 được công bố tại hội nghị; kết quả kiểm phiếu ở bước 2 không công bố tại hội nghị.

- Đối với cấp cơ sở có khó khăn về nguồn nhân sự, Ban Thường vụ Tỉnh ủy hướng dẫn cụ thể về số lượng ở các bước bảo đảm số lượng nhân sự được giới thiệu có số dư từ 10 - 15% so với tổng số cấp ủy viên được bầu.

⁶ Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu 38 người (tính theo số dư 15%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

⁷ Ví dụ: Tổng số cấp ủy viên được phân bổ theo quy định là 50 người; số cấp ủy viên tái cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện được thông qua là 20 người; số cấp ủy viên còn lại là 30 người; số lượng được giới thiệu từ 35 đến 38 người (tính theo số dư từ 10 đến 15%). Đối với số lượng ủy viên ban thường vụ cấp ủy cũng tính tương tự như vậy.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo cấp ủy, cơ quan nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội thì giới thiệu 1 người cho 1 chức danh.

- Đối với các tổ chức đảng trực thuộc đề nghị các cấp ủy tùy vào tình hình thực tế để hướng dẫn thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự đảm bảo theo quy định.

II. DANH MỤC HỒ SƠ NHÂN SỰ VÀ THỜI GIAN NỘP HỒ SƠ

1. Danh mục hồ sơ nhân sự

Danh mục hồ sơ nhân sự thống nhất khổ giấy A4, nhân sự phải kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung nêu tại các mục và phải được cấp có thẩm quyền xác nhận theo đúng quy định.

Sắp xếp theo thứ tự sau:

- (1) Tờ trình.
 - (2) Bảng tổng hợp kết quả kiểm phiếu (*kèm theo Biên bản kiểm phiếu ở các bước*).
 - (3) Sơ yếu lý lịch (*theo mẫu*) do cá nhân tự khai (*đánh máy*) và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận; có dán ảnh màu khổ 4 x 6, chụp trong thời gian không quá 6 tháng.
 - (4) Bản kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất; có nhận xét, đánh giá của chi bộ và xác nhận của đảng ủy cơ quan nơi cán bộ công tác.
 - (5) Đánh giá, nhận xét 3 năm gần nhất của cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ, về: (1) Phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ. (2) Năng lực công tác và kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao; trong đó, thể hiện rõ trong quá trình công tác nhân sự có sản phẩm cụ thể, thành tích công tác, hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (*nếu có*). (3) Uy tín và triển vọng phát triển.
 - (6) Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình cán bộ.
- Trường hợp bản nhận xét của cấp ủy nơi cư trú không trùng với nơi nhân sự đang sinh sống⁸, thì nhân sự phải lấy xác nhận lại theo quy định. Trường hợp nhân sự có liên quan đến yếu tố nước ngoài, thì thực hiện việc báo cáo, cam kết theo quy định tại Điều 19, Quy định số 58-QĐ/TW, ngày 08/02/2022 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 01-HD/BTCTW, ngày 05/8/2022 của Ban Tổ chức Trung ương.
- (7) Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo Quy định của Bộ Chính trị về bảo vệ chính trị nội bộ Đảng.
 - (8) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu ban hành kèm theo quy định hiện hành (*có ký xác nhận của người kê khai và người nhận bản kê khai theo quy định*).
 - (9) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị... (*có xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý cán bộ hoặc của cấp có thẩm quyền*).
- Nhân sự có bằng tiến sỹ, thạc sỹ, đại học do cơ sở đào tạo nước ngoài hoặc cơ sở đào tạo trong nước liên kết với nước ngoài cấp (*không thuộc diện cử tuyển của cơ quan có thẩm quyền*), thì phải có giấy chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.
- (10) Kết luận tình trạng sức khỏe của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp ủy cùng cấp; đối với các đảng ủy trực thuộc tỉnh ủy phải có giấy chứng nhận

⁸ Ví dụ: Đồng chí Nguyễn Văn A, hiện sinh sống tại Phường B nhưng Bản nhận xét nơi cư trú lại không phải do Đảng ủy phường B xác nhận.

sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền.

Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm chính trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong việc nhận xét, đánh giá, đề xuất, giới thiệu, kết luận về tiêu chuẩn chính trị đối với nhân sự được giới thiệu và một số nội dung liên quan khác theo quy định.

* **Lưu ý:** Các tài liệu nêu tại Mục 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10 không quá 6 tháng.

2. Thời gian nộp hồ sơ

Các thành ủy, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy gửi hồ sơ nhân sự cấp ủy gồm Tờ trình, đề án nhân sự, hồ sơ, danh sách trích ngang nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy*) ít nhất trước 35 ngày làm việc tính đến thời điểm dự kiến khai mạc đại hội đảng bộ (*thời điểm được tính là ngày nhận được hồ sơ theo đường bưu điện*); trong đó lưu ý:

- Gửi kèm danh sách quy hoạch cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy và các chức danh lãnh đạo chủ chốt địa phương, cơ quan, đơn vị nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031.

- Ngoài hồ sơ nhân sự bản giấy; đề nghị gửi bản "mềm" danh sách trích ngang nhân sự cấp ủy nhiệm kỳ 2025 - 2030 (*theo mẫu tại Phụ lục 3 kèm theo*) được lưu trữ trong thiết bị lưu trữ (USB hoặc đĩa CD) bảo mật theo quy định.
